

Số: /KH-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện công tác dân số và phát triển
thành phố Hà Nội năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”; Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW; Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”; Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Dân số và Phát triển thành phố Hà Nội năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, khuyến khích các cặp vợ chồng và cá nhân sinh con, sinh đủ hai con; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số.

2. Chỉ tiêu

- Điều chỉnh mức sinh(+/-CBR): **tăng 0,4‰ so với năm 2025.**
- Tuổi thọ bình quân: **đạt 76,8 tuổi.**
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ: **91%.**

- Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái): **không quá 109,8/100**.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia): **86%**.

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh): **91%**.

- Chiều cao trung bình của nam, nữ thanh niên 18 tuổi: **tăng 0,3cm so với năm 2025**.

- Tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: **87%**

- Số người áp dụng biện pháp tránh thai (BPTT) mới: **403.730** người.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

II. CÁC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về thực hiện công tác dân số trong tình hình mới. Quán triệt thực hiện Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”; Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội; Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035; Kế hoạch số 237/KH-UBND của UBND Thành phố ngày 08/12/2020 về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án nâng cao chất lượng dân số của Thành phố: Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch phát triển thể lực

tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030; Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND Thành phố về việc thực hiện “Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định 3370/QĐ- UBND của UBND Thành phố ngày 16/09/2022 phê duyệt Đề án Mở rộng Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 31/01/2025 về thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 08/8/2025 về triển khai Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 284/KH- UBND ngày 22/10/2025 về Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026- 2030; Đẩy mạnh các hoạt động mô hình nâng cao chất lượng dân số Thủ đô trong tình hình mới.

- Rà soát, nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản, cơ chế, chính sách phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và tình hình dân số địa phương theo chỉ đạo của Thành ủy tại Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”.

- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường triển khai các văn bản của Trung ương và Thành phố, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hướng dẫn của Thành phố đến cơ sở, các chi bộ đảng, thôn và tổ dân phố, lồng ghép công tác dân số với chương trình kinh tế - xã hội của địa phương nhằm hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Thành phố giao năm 2026. Hoàn thành việc giao chỉ tiêu kế hoạch và xây dựng kế hoạch thực hiện công tác dân số và phát triển năm 2026 chậm nhất trong tháng 01/2026.

2. Công tác phối hợp liên ngành

- Sở Y tế tham mưu Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển Thành phố triển khai các hoạt động phối hợp các ban, ngành, đoàn thể Thành phố và xã, phường về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về hoạt động truyền thông, giáo dục; thống kê tổng hợp; kiểm tra, thanh tra thực hiện công tác dân số; lồng ghép các nội dung truyền thông về dân số và phát triển phù hợp với đặc thù của từng ban, ngành, đoàn thể góp phần tạo sự đồng thuận của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện chính sách dân số.

- Các Sở, ngành tập trung triển khai nhiệm vụ đã được phân công tại Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND Thành phố về thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 358-KH/TU của Thành ủy Hà Nội và các Kế hoạch của Thành ủy, UBND Thành phố về công tác dân số góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của Thành phố.

3. Triển khai các hoạt động, nhiệm vụ chuyên môn

3.1. Duy trì mức sinh thay thế

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và hoạt động cụ thể tại Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 31/01/2025 về thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, cung cấp thông tin pháp luật của Nhà nước về duy trì mức sinh thay thế, đặc biệt là quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, mỗi cặp vợ chồng trong việc sinh con theo Điều 13 Luật Dân số số 113/2025/QH15, theo đó "Mỗi cặp vợ chồng, cá nhân có quyền quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của các cặp vợ chồng, cá nhân trên cơ sở bình đẳng". Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp duy trì mức sinh thay thế thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp. Đưa nội dung về điều chỉnh mức sinh vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

- Rà soát, nghiên cứu, xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ, can thiệp thích hợp khuyến khích nam, nữ thanh niên kết hôn sớm, các cặp vợ chồng sinh con sớm và sinh đủ 2 con trước 35 tuổi; chính sách hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con; chính sách khuyến khích khen thưởng, động viên kịp thời những trường hợp thực hiện tốt chính sách dân số...

- Tổ chức các hội nghị định kỳ để phổ biến những thông tin mới nhất về tình hình mức sinh trên địa bàn Thành phố, tuyên truyền rộng rãi tới các cấp ủy đảng, chính quyền và mọi tầng lớp nhân dân về các biện pháp duy trì mức sinh thay thế.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục, phù hợp với từng địa phương, từng nhóm đối tượng. Chú trọng các cuộc truyền thông, vận động tại cộng đồng đến từng đối tượng đích. Xây dựng các phóng sự, bản tin, trailer... tuyên truyền trên truyền hình, truyền thanh và trên trang thông tin điện tử, các nền tảng xã hội; xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên báo in, báo

điện tử...nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận và ủng hộ tích cực của toàn xã hội để giải quyết vấn đề mức sinh gắn với phát triển bền vững.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông thu hút giới trẻ tham gia. Triển khai các mô hình, câu lạc bộ hỗ trợ làm quen với các bạn chưa kết hôn; mô hình thanh niên sinh đủ 2 con trước tuổi 35...

3.2. củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 18/5/2021 của UBND Thành phố về hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) của thành phố Hà Nội đến năm 2030.

- Tập trung thực hiện chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGĐ/SKSS) và nâng cao chất lượng dân số năm 2026. Đổi mới phương thức, nội dung truyền thông, đa dạng các hình thức truyền thông trong chiến dịch. Các nội dung truyền thông về chăm sóc SKSS/KHHGĐ, về nâng cao chất lượng dân số như sàng lọc trước sinh và sơ sinh, phát hiện sớm bệnh tật bẩm sinh; tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; dinh dưỡng, sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em; bình đẳng giới, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh; vận động nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi và sinh đủ 2 con trước 35 tuổi.... Thực hiện cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, tầm soát ung thư đường sinh sản, dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn...

- Đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa các phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ/SKSS trên địa bàn Thành phố đáp ứng nhu cầu phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ/SKSS trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND Thành phố về thực hiện "Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030" trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.3. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tổ chức thực hiện các hoạt động Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 22/10/2025 về Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026-2030.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông vận động về giới và mất cân bằng giới tính khi sinh. Phối hợp các cơ quan truyền thông,

các ban, ngành và các xã, phường tuyên truyền về thực trạng giới tính khi sinh, nguyên nhân, hệ lụy và giải pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; truyền thông về bình đẳng giới, nêu cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái. Triển khai mạnh và đồng bộ hoạt động truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng và các nền tảng mạng xã hội. Đưa nội dung kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

- Đưa nội dung về bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh vào chương trình đào tạo của các trường đào tạo cán bộ, trung tâm chính trị khu vực, trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp y, dược, trường dạy nghề và các cơ sở đào tạo nghề.

- Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ tuyên truyền, vận động thực hiện kế hoạch kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; lồng ghép nội dung tuyên truyền vào chương trình giảng dạy của các trường chính trị, các trường đại học, cao đẳng; phổ biến kiến thức đến các tổ chức đoàn thanh niên, các ban ngành đoàn thể, giáo viên các trường trung học...

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính khi sinh tại các cơ sở y tế và các cơ sở sản xuất, kinh doanh sách báo, văn hóa phẩm trên địa bàn thành phố.

3.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

- Tiếp tục thực hiện Đề án mở rộng Tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030 theo Quyết định 3370/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 16/09/2022.

- Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong toàn thành phố.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ dân số, y tế các cấp về kiến thức chuyên môn, kỹ thuật thực hiện, kỹ năng tuyên truyền vận động về sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập trao đổi kinh nghiệm về chương trình sàng lọc trước sinh và sơ sinh.

- Thực hiện sàng lọc khiếm thính cho trẻ em dưới 60 tháng tuổi;

- Thực hiện sàng lọc Thalassemia cho học sinh phổ thông trung học.

- Phối hợp Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Trạm Y tế xã, phường triển khai thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh, đảm bảo vật tư, hóa chất, sinh phẩm,

hướng dẫn kỹ thuật thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh nhằm hoàn thành chỉ tiêu đề án theo Quyết định 3370/QĐ-UBND ngày 16/09/2022; Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND thành phố về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Triển khai các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, thái độ của vị thành niên/thanh niên về chính sách dân số hiện nay. Tổ chức sự kiện truyền thông; thi tìm hiểu kiến thức CSSKSS VTN/TN; diễn đàn thanh niên với dân số và phát triển. Thực hiện mô hình CSSKSS VTN/TN.

- Tăng cường tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn nhằm hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ cặp nam, nữ được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2026. Tăng cường phổ biến, tập huấn đến cán bộ Dân số, Y tế các cấp thực hiện chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo Quyết định số 3472/QĐ-BYT ngày 07/11/2025 của Bộ Y tế. Tiếp tục duy trì và mở rộng mô hình tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn.

3.5. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành chỉ tiêu tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035; Tổ chức thực hiện các hoạt động Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 08/8/2025 về triển khai thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục thay đổi hành vi của người dân về quyền, nghĩa vụ, lợi ích của chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và tham gia thực hiện các mục tiêu của kế hoạch. Thường xuyên tổ chức truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn Thành phố về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Nâng cao năng lực cho các bệnh viện (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi) thực hiện khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho tuyến dưới.

- Nâng cao năng lực cho trạm y tế cấp xã trong thực hiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống các bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng:

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

- Tiếp tục duy trì các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, tổ chức các câu lạc bộ tạo điều kiện cho người cao tuổi được tự chăm sóc sức khỏe, tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao và nâng cao sức khỏe tinh thần tại cộng đồng.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực cán bộ dân số, y tế các cấp trong thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Phối hợp các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành Lão khoa triển khai thực hiện hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Triển khai thí điểm mô hình chăm sóc sức khỏe ban ngày cho người cao tuổi tại xã, phường.

3.6. Thực hiện Kế hoạch phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về việc triển khai Kế hoạch phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030; Kế hoạch Thành ủy, UBND về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, vận động thay đổi hành vi về phát triển thể lực và tầm vóc người Hà Nội cho các nhà quản lý, lãnh đạo các cấp, cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tầng lớp nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ của cả cộng đồng.

- Phổ biến, nâng cao kiến thức, hiểu biết và tăng cường chăm sóc, thực hành dinh dưỡng, kết hợp với các chương trình chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng dân số Thủ đô. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tư vấn, truyền thông vận động về dinh dưỡng, phát triển thể lực tầm vóc cho đội ngũ cán bộ dân số, y tế các cấp.

- Phối hợp triển khai Xây dựng Bộ tiêu chí thể lực - tầm vóc học sinh Hà Nội và Chương trình đưa nội dung giáo dục sức khỏe vào chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học, bậc học.

3.7. Truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

- Tăng cường tuyên truyền, vận động, quán triệt thực hiện Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị

về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”; Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội về việc thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Đẩy mạnh và đổi mới công tác truyền thông thường xuyên và các đợt cao điểm, trọng điểm. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trong hệ thống dân số các cấp; phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác dân số, y tế cơ sở nhằm hình thành và duy trì bền vững hành vi tích cực về dân số và phát triển của các tầng lớp nhân dân; mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện với vị thành niên, thanh niên; đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc phổ biến kiến thức, kỹ năng về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi, sinh đủ 2 con, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông: tăng cường truyền thông tại cộng đồng, cấp phát tờ rơi, tờ gấp; mở rộng truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng: xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên về dân số và phát triển; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, giao lưu, tọa đàm trên Đài Phát thanh - Truyền hình, báo/tạp chí, các tờ tin, bản tin chuyên đề về công tác dân số, phát hành các tài liệu truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội... Đổi mới các nội dung truyền thông: tuyên truyền về sức khỏe sinh sản; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; khám sức khỏe người cao tuổi; tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Hướng dẫn và tổ chức các hoạt động tuyên truyền hưởng ứng các ngày lễ lớn: ngày Thalassemia thế giới 8/5; Ngày Dân số Thế giới 11/7; Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10; Ngày Quốc tế Người cao tuổi 1/10; Tháng hành động quốc gia về Dân số tháng 12 và Ngày Dân số Việt Nam (26/12/1961-26/12/2026).

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, báo cáo viên, tuyên truyền viên và cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động thực hiện công tác dân số phù hợp với tình hình mới.

3.8. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030:

- Thu thập và cập nhật dữ liệu dân số: Tiếp tục thu thập, cập nhật sổ A0 và cập nhật vào kho dữ liệu chuyên ngành dân số; nâng cao chất lượng dữ liệu điện tử các cấp phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ quản lý, dự báo, hoạch định chính sách; gắn chuyển đổi số dân số với cải cách hành chính, chính quyền số, đô thị thông minh và phục vụ người dân.

- Đẩy mạnh số hóa/chuyển đổi số: Mở rộng sổ A0 điện tử; triển khai ứng dụng di động cho cộng tác viên dân số, hướng tới cập nhật theo thời gian thực; tăng tốc số hóa và nâng hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành, khai thác kho dữ liệu phục vụ quản lý các cấp; hoàn thiện bản đồ số dân số tích hợp GIS; phát triển ứng dụng khai thác, phân tích, dự báo, chia sẻ và công bố số liệu dân số

- Nâng cao thống kê, tính toán chỉ số, dự báo cụ thể: Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng hoạt động thống kê chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin vào tính toán chỉ số, dự báo chỉ tiêu chuyên ngành dân số ở các cấp; hướng dẫn quy trình giám sát, đối chiếu số liệu và lập báo cáo cho cán bộ thống kê cơ sở. Ứng dụng AI và Big Data để dự báo dân số, mô phỏng di cư, biến động cơ cấu dân số phục vụ chiến lược phát triển KT-XH Thủ đô.

- Tăng cường quản trị hệ thống, bảo mật, an toàn thông tin và chất lượng dữ liệu: Duy trì, tăng cường quản trị/vận hành kho dữ liệu điện tử (bảo trì hệ thống và công cụ thành phần; chuẩn hóa, đồng bộ cơ sở dữ liệu; nâng chất dữ liệu tập trung); Tăng cường bảo mật, an toàn thông tin hộ/cá nhân trong kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số.

- Tăng cường khai thác - chia sẻ - liên thông dữ liệu: Đẩy mạnh khai thác, chia sẻ dữ liệu đáp ứng nhu cầu các cấp/ngành trên địa bàn; chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu; đảm bảo khả năng liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu ngành (Y tế, An sinh xã hội) theo yêu cầu/hướng dẫn. Việc thu thập, cập nhật, khai thác, chia sẻ và liên thông dữ liệu dân số phải gắn với bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin và an ninh mạng.

3.9. Đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, cộng tác viên dân số thôn, tổ dân phố.

- Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ cán bộ dân số Thành phố và xã, phường phù hợp với công tác dân số trong tình hình hiện nay. Tập huấn, bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho các báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp Thành phố và xã, phường. Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin, thống kê và dự báo cho cán bộ làm công tác dân số các cấp; Tập huấn bổ sung kiến thức chuyên môn cho cộng tác viên dân số để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các nước trên thế giới về những vấn đề ưu tiên trong công tác dân số và phát triển của Việt Nam nói chung và Thủ đô nói riêng: duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số... Đồng thời trao đổi chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương trong cả nước. Cử cán bộ theo học các lớp đào tạo do Trung ương, Thành phố tổ chức và các tổ chức tài trợ.

- Tổ chức thực hiện các khảo sát, đánh giá, đề tài nghiên cứu khoa học liên quan nhằm xây dựng, quản lý, điều hành, triển khai hoạt động và đánh giá các mục tiêu của công tác dân số về ổn định quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số và ổn định cơ cấu dân số.

3.10. Hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý về công tác dân số các cấp đặc biệt là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp. Tổ chức giao ban Ban Chỉ đạo công tác dân số, đánh giá kết quả hoạt động công tác dân số định kỳ và cả năm.

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp; kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế tư nhân, các nhà sách cung cấp các ấn phẩm đảm bảo thực hiện nghiêm quy định không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Nhà nước đảm bảo trong dự toán ngân sách hàng năm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã,

phường theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (cơ quan thường trực)

Tham mưu Ban chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển Thành phố triển khai các hoạt động phối hợp về công tác Dân số đến các thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển; triển khai Kế hoạch của Thành phố, tổng hợp, đánh giá các hoạt động dân số đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch của Trung ương và Thành phố giao; Hướng dẫn các xã, phường triển khai các Kế hoạch, Đề án về dân số của Thành phố năm 2026. Định kỳ, đột xuất chủ động tham mưu Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển Thành phố, chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố về công tác dân số và phát triển.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách cấp Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Y tế tham mưu cho UBND Thành phố thực hiện việc củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân số các cấp sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số của Thành phố, thống nhất, liên tục, thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát tại địa phương.

4. Sở Tư pháp, Công an Thành phố, Thống kê Thành phố

Tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu dân số theo chức năng, nhiệm vụ: Công an Thành phố thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Thống kê Thành phố thực hiện thống kê trên địa bàn theo Luật Thống kê, Sở Y tế quản lý dữ liệu chuyên ngành dân số, y tế; Sở Tư Pháp quản lý dữ liệu hộ tịch (khai sinh, kết hôn, khai tử). Rà soát tổng hợp số liệu và chỉ đạo tuyên cơ sở thống nhất số liệu dân số định kỳ hàng quý, phối hợp Sở Y tế thống nhất số liệu dân số trên địa bàn Thành phố định kỳ tháng 12 hàng năm.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, giới, giới tính, tăng cường giáo dục thể chất, nâng cao thể lực trong hệ thống giáo dục quốc dân; tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách về giáo dục để bổ sung các nội dung, hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực người Hà Nội.

Tiếp tục phối hợp triển khai hoạt động phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội theo Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về Phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội đến năm 2030 và các văn bản chỉ đạo của Thành phố thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

Tăng cường các hoạt động hướng dẫn lồng ghép các nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình, các quy ước, hương ước của cộng đồng, dòng tộc, hoạt động văn hóa nghệ thuật, các quy định thực hiện chính sách dân số vào gia đình văn hóa tại khu dân cư. Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan báo chí Trung ương, địa phương và Hà Nội; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số; thông tin về công tác dân số và phát triển Thủ đô.

Tiếp tục phối hợp triển khai hoạt động phát triển thể lực tầm vóc người Hà Nội theo Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố về Phát triển thể lực, tầm vóc người Hà nội đến năm 2030 và các văn bản chỉ đạo của Thành phố.

7. Trường Đào tạo Cán bộ Lê Hồng Phong

Lồng ghép các nội dung về dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường và các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị. Phổ biến các chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số tới các giáo viên, học viên.

8. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng của Thành phố tuyên truyền, phổ biến công tác dân số và phát triển. Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền các chính sách của Đảng, nhà nước về công tác dân số và phát triển trên Bản tin thông tin nội bộ và Tài liệu tham khảo đặc biệt hàng tháng của Thành ủy; Trang Thông tin điện tử Đảng bộ thành phố Hà Nội;

Số tay Đảng viên điện tử thành phố Hà Nội. Đôn đốc sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền thực hiện chính sách dân số trên địa bàn Thủ đô.

9. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội

- Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên chú trọng công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số và phát triển, nhất là các nội dung: Duy trì mức sinh thay thế; không kết hôn muộn, không sinh con muộn; sinh đủ hai con trước 35 tuổi; Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; thực hiện bình đẳng giới; Tham gia sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; nâng cao chất lượng dân số. Phối hợp thống nhất hành động với các tổ chức thành viên và chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam xã/phường phát huy vai trò của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng dòng họ trong tuyên truyền, vận động tại cộng đồng dân cư, nhất là ở các địa bàn, nhóm đối tượng đặc thù.

- Tiếp tục lồng ghép nội dung công tác dân số và phát triển với các cuộc vận động, phong trào do MTTQ Việt Nam phát động, như Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Xây dựng gia đình văn hóa”, “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”, qua đó tạo sự đồng thuận xã hội và tính bền vững trong thực hiện chính sách dân số.

- Chỉ đạo, điều phối, phân công nhiệm vụ, phát huy vai trò của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện công tác dân số và phát triển tại cơ sở; giám sát việc thực hiện các chính sách, chế độ liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân trong lĩnh vực dân số.

10. Cơ quan báo, đài Thành phố

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện hoạt động tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức về công tác dân số và phát triển của Thành phố, xây dựng phóng sự, đưa tin các hoạt động nổi bật về dân số của Thành phố; các sự kiện nhân kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Tháng hành động quốc gia về dân số, ngày Dân số Việt Nam 26/12; Ngày quốc tế Trẻ em gái, Ngày tránh thai thế giới, Ngày quốc tế người cao tuổi...biểu dương các gia đình, cá nhân tập thể thực hiện tốt chính sách dân số; thực hiện hợp đồng phối hợp, bố trí khung giờ phát sóng, duy trì thực hiện chuyên mục “*Vì chất lượng dân số Thủ đô*” với các nội dung về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi; tư vấn,

khám sức khỏe trước khi kết hôn; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và phát triển thể lực, tầm vóc Người Hà Nội.

11. UBND các xã, phường

11.1. Giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2026

Ủy ban nhân dân các xã, phường hoàn thành công tác giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện công tác dân số theo mục I của Kế hoạch này, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch toàn xã, phường bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Thành phố giao, hoàn thành trong tháng 01/2026.

11.2. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện: Quán triệt thực hiện Luật Dân số số 113/2025/QH15; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Tiếp tục quán triệt sâu sắc Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về công tác dân số trong tình hình mới”; Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 06/10/2025 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/08/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 22/8/2025 của Thành ủy Hà Nội; Kế hoạch số 237/KH-UBND của UBND Thành phố ngày 08/12/2020 về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân số đối với các xã, phường; triển khai các văn bản của xã, phường đến chi bộ đảng cơ sở, thôn và tổ dân phố.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác dân số và phát triển năm 2026. Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển xã, phường; phối hợp với Sở Y tế, liên ngành trong thực hiện các hoạt động công tác dân số tại địa phương.

- Triển khai thực hiện thí điểm mô hình chăm sóc sức khỏe ban ngày cho người cao tuổi.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của Thành phố và đảm bảo kinh phí địa phương cho hoạt động theo chỉ đạo của Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy; yêu cầu các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý (hạn gửi báo cáo trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo), báo cáo tổng kết năm gửi trước ngày 15/12, gửi về Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND Thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ VN TP Hà Nội;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Vũ Thu Hà;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TU;
- Ban VH-XH HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, PCVP P.T.T. Huyện;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX (N.HUYỀN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

GIAO CHỈ TIÊU CÔNG TÁC DÂN SỐ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND Thành phố)

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (%)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
Toàn Thành phố		0,4	86	91	87	91	0,3	403.730	34.200	230	1.000	95.500	272.800
1	Phường Hoàn Kiếm	0,07	90	92	97	95	0,3	6.360	230	0	0	830	5.300
2	Phường Cửa Nam	0,33	90	92	97	96	0,3	3.570	200	0	0	520	2.850
3	Phường Ba Đình	0,96	90	92	97	92	0,3	3.980	180	0	0	400	3.400
4	Phường Ngọc Hà	0,75	90	92	97	92	0,3	5.130	250	0	0	630	4.250
5	Phường Giảng Võ	0,87	90	92	97	92	0,3	5.530	250	0	0	730	4.550
6	Phường Hai Bà Trưng	0,64	90	92	97	90	0,3	6.050	200	0	0	850	5.000
7	Phường Vĩnh Tuy	0,96	90	92	97	90	0,3	7.725	325	0	0	1.250	6.150
8	Phường Bạch Mai	0,94	90	92	97	90	0,3	8.040	420	0	0	1.370	6.250
9	Phường Đồng Đa	0,18	90	92	97	95	0,3	4.270	190	0	0	580	3.500
10	Phường Kim Liên	0,39	90	92	97	95	0,3	5.320	240	0	0	680	4.400
11	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	0,39	90	92	97	95	0,3	5.990	260	0	0	880	4.850
12	Phường Láng	0,85	90	92	97	95	0,3	3.695	155	0	0	540	3.000
13	Phường Ô Chợ Dừa	0,64	90	92	97	95	0,3	3.675	145	0	0	630	2.900

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (%)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
14	Phường Hồng Hà	0,57	88	92	94	90	0,3	8.420	350	0	0	970	7.100
15	Phường Lĩnh Nam	0,39	88	92	94	90	0,3	1.236	55	0	1	230	950
16	Phường Hoàng Mai	0,4	88	92	93	89	0,3	2.420	170	0	0	450	1.800
17	Phường Vĩnh Hưng	0,1	88	92	94	90	0,3	3.356	105	0	1	450	2.800
18	Phường Tương Mai	0,65	88	92	94	90	0,3	7.476	155	0	1	1.320	6.000
19	Phường Định Công	0,14	88	92	94	90	0,3	4.417	195	0	2	820	3.400
20	Phường Hoàng Liệt	0,02	88	92	94	90	0,3	4.136	185	0	1	750	3.200
21	Phường Yên Sở	0,13	88	92	94	90	0,3	1.755	55	0	0	300	1.400
22	Phường Thanh Xuân	0,85	90	92	94	90	0,3	6.795	245	0	0	1.300	5.250
23	Phường Khương Đình	0,6	90	92	94	89	0,3	6.350	230	0	0	1.270	4.850
24	Phường Phương Liệt	0,36	90	92	94	90	0,3	4.785	235	0	0	900	3.650
25	Phường Cầu Giấy	0,61	90	92	94	90	0,3	3.926	125	0	1	800	3.000
26	Phường Nghĩa Đô	0,27	90	92	94	90	0,3	6.922	150	0	2	1.170	5.600
27	Phường Yên Hòa	0,3	90	92	94	90	0,3	6.263	130	0	3	1.030	5.100
28	Phường Tây Hồ	0,71	90	92	94	90	0,3	4.230	350	0	0	980	2.900
29	Phường Phú Thượng	0,53	90	92	94	90	0,3	1.845	95	0	0	450	1.300
30	Phường Tây Tựu	0,2	90	92	94	90	0,3	2.780	120	0	0	460	2.200
31	Phường Phú Diễn	0,17	88	92	90	94	0,3	6.091	130	0	1	1.260	4.700

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (‰)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
32	Phường Xuân Đình	0,37	88	92	90	94	0,3	3.945	125	0	0	720	3.100
33	Phường Đông Ngạc	0,19	88	92	90	94	0,3	8.215	145	0	0	1.470	6.600
34	Phường Thượng Cát	0,22	88	92	90	94	0,3	1.970	70	0	0	400	1.500
35	Phường Từ Liêm	0,1	88	92	90	93	0,3	9.505	205	0	0	600	8.700
36	Phường Xuân Phương	0,9	88	92	90	93	0,3	3.130	80	0	0	250	2.800
37	Phường Tây Mỗ	0,42	88	92	90	92	0,3	4.850	150	0	0	300	4.400
38	Phường Đại Mỗ	0,77	88	92	90	93	0,3	4.740	135	0	0	205	4.400
39	Phường Long Biên	0,07	88	92	90	89	0,3	4.357	235	0	2	1.120	3.000
40	Phường Bồ Đề	0,23	88	92	90	90	0,3	8.513	360	0	3	1.950	6.200
41	Phường Việt Hưng	0,16	88	92	90	90	0,3	8.133	350	0	3	1.480	6.300
42	Phường Phúc Lợi	0,1	88	92	90	89	0,3	3.991	170	0	1	920	2.900
43	Phường Hà Đông	0,17	85	92	85	90	0,3	4.885	605	0	0	1.280	3.000
44	Phường Dương Nội	0,9	85	92	85	90	0,3	655	85	0	0	170	400
45	Phường Yên Nghĩa	0,12	85	92	85	90	0,3	1.360	170	0	0	390	800
46	Phường Phú Lương	0,23	85	92	85	90	0,3	1.300	140	0	0	360	800
47	Phường Kiến Hưng	0,16	85	92	85	90	0,3	1.335	175	0	0	360	800
48	Xã Thanh Trì	0,4	83	91	85	89	0,3	2.573	165	2	6	500	1.900
49	Xã Đại Thanh	0,19	83	91	85	89	0,3	3.203	245	2	6	950	2.000

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (‰)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
50	Xã Nam Phù	0,76	83	91	85	89	0,3	1.818	205	2	11	600	1.000
51	Xã Ngọc Hồi	0,26	83	91	85	89	0,3	2.088	135	0	3	550	1.400
52	Phường Thanh Liệt	0,24	83	91	85	89	0,3	2.967	115	1	1	650	2.200
53	Xã Thượng Phúc	0,58	86	89	82	89	0,3	1.451	295	1	5	500	650
54	Xã Thường Tín	0,64	86	90	82	90	0,3	2.565	400	5	10	950	1.200
55	Xã Chương Dương	0,43	86	90	82	90	0,3	2.016	355	1	10	700	950
56	Xã Hồng Vân	0,5	86	89	82	90	0,3	2.261	350	1	10	750	1.150
57	Xã Phú Xuyên	0,72	84	89	82	89	0,3	2.355	640	3	12	750	950
58	Xã Phụng Dục	0,63	84	89	82	89	0,3	783	300	1	2	190	290
59	Xã Chuyên Mỹ	0,53	84	89	82	89	0,3	803	300	1	2	210	290
60	Xã Đại Xuyên	0,32	84	89	82	90	0,3	1.122	440	0	2	300	380
61	Xã Thanh Oai	0,35	83	90	82	92	0,3	4.594	250	0	14	930	3.400
62	Xã Bình Minh	0,28	83	90	82	92	0,3	3.184	200	0	14	870	2.100
63	Xã Tam Hưng	0,27	83	90	82	92	0,3	983	160	0	13	310	500
64	Xã Dân Hòa	0,45	83	90	82	92	0,3	1.539	250	0	19	570	700
65	Xã Vân Đình	0,28	84	92	82	95	0,3	2.745	130	6	9	1.150	1.450
66	Xã Ứng Thiên	0,3	84	92	82	95	0,3	2.244	105	1	8	930	1.200
67	Xã Hòa Xá	0,31	84	92	82	95	0,3	3.265	155	1	9	1.400	1.700

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (‰)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
68	Xã Ứng Hòa	0,3	84	92	82	95	0,3	2.508	190	3	15	1.000	1.300
69	Xã Mỹ Đức	0,39	84	88	82	89	0,3	1.396	280	3	13	500	600
70	Xã Hồng Sơn	0,31	84	89	82	89	0,3	1.406	270	4	12	520	600
71	Xã Phúc Sơn	0,31	84	89	82	89	0,3	1.265	255	5	15	490	500
72	Xã Hương Sơn	0,31	84	89	82	89	0,3	1.338	230	9	19	480	600
73	Phường Chương Mỹ	0,14	84	88	82	90	0,3	2.791	495	7	19	970	1.300
74	Xã Phú Nghĩa	0,31	84	88	82	90	0,3	1.273	180	4	9	180	900
75	Xã Xuân Mai	0,4	84	88	82	90	0,3	1.802	300	6	16	680	800
76	Xã Trần Phú	0,52	84	88	82	90	0,3	1.030	150	0	0	280	600
77	Xã Hòa Phú	0,28	84	88	82	90	0,3	1.597	300	3	14	630	650
78	Xã Quảng Bị	0,25	84	90	82	90	0,3	1.797	150	3	14	630	1.000
79	Xã Minh Châu	0,23	84	90	82	90	0,3	198	60	1	2	55	80
80	Xã Quảng Oai	0,26	84	91	82	90	0,3	1.692	490	2	20	480	700
81	Xã Vật Lại	0,27	84	91	82	90	0,3	1.850	505	4	21	520	800
82	Xã Cổ Đô	0,26	84	91	82	90	0,3	2.462	610	2	30	720	1.100
83	Xã Bất Bạt	0,31	84	91	82	90	0,3	1.379	350	3	16	410	600
84	Xã Suối Hai	0,28	84	91	82	90	0,3	813	230	2	11	270	300
85	Xã Ba Vì	0,29	84	90	82	90	0,3	640	230	1	9	200	200

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (‰)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
86	Xã Yên Bài	0,28	84	90	82	90	0,3	492	140	5	7	140	200
87	Phường Sơn Tây	0,73	83	91	85	94	0,3	2.852	510	2	20	920	1.400
88	Phường Tùng Thiện	0,41	83	91	85	94	0,3	1.745	340	3	12	540	850
89	Xã Đoài Phương	0,31	83	91	85	94	0,3	1.533	270	2	11	500	750
90	Xã Phúc Thọ	0,27	86	90	85	89	0,3	2.239	615	2	22	650	950
91	Xã Phúc Lộc	0,3	86	90	85	89	0,3	1.897	525	2	20	550	800
92	Xã Hát Môn	0,26	86	90	85	89	0,3	2.051	560	2	19	620	850
93	Xã Thạch Thất	0,3	83	90	82	92	0,3	2.412	390	3	19	850	1.150
94	Xã Hạ Bằng	0,26	83	90	82	92	0,3	2.090	305	3	12	670	1.100
95	Xã Tây Phương	0,25	83	90	82	92	0,3	4.592	665	5	22	1.600	2.300
96	Xã Hòa Lạc	0,92	83	90	82	92	0,3	547	90	1	6	170	280
97	Xã Yên Xuân	0,21	83	90	82	92	0,3	1.680	160	0	20	700	800
98	Xã Quốc Oai	0,3	86	91	82	90	0,3	2.856	450	6	30	970	1.400
99	Xã Hưng Đạo	0,25	86	91	82	90	0,3	2.375	330	3	22	720	1.300
100	Xã Kiều Phú	0,26	86	91	82	90	0,3	2.417	405	10	42	660	1.300
101	Xã Phú Cát	0,23	86	91	82	90	0,3	2.283	330	11	42	800	1.100
102	Xã Hoài Đức	0,27	83	91	84	90	0,3	2.543	320	3	20	550	1.650
103	Xã Dương Hòa	0,28	83	91	84	90	0,3	2.003	255	2	16	430	1.300

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (‰)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
104	Xã Sơn Đồng	0,26	83	91	84	90	0,3	2.164	275	2	17	470	1.400
105	Xã An Khánh	0,31	83	91	84	90	0,3	4.286	500	4	32	950	2.800
106	Xã Đan Phượng	0,29	83	90	84	90	0,3	1.505	185	2	8	530	780
107	Xã Ô Diên	0,29	83	90	84	90	0,3	3.280	405	5	20	1.150	1.700
108	Xã Liên Minh	0,23	83	90	84	90	0,3	1.559	200	1	8	550	800
109	Xã Gia Lâm	0,86	83	91	87	89	0,3	3.079	300	2	7	770	2.000
110	Xã Thuận An	0,28	83	91	87	89	0,3	2.651	320	3	8	820	1.500
111	Xã Bát Tràng	0,27	83	91	87	89	0,3	2.127	200	2	5	420	1.500
112	Xã Phù Đổng	0,3	83	91	87	89	0,3	4.744	450	4	10	1.380	2.900
113	Xã Thư Lâm	0,39	86	91	87	90	0,3	3.411	425	1	5	1.080	1.900
114	Xã Đông Anh	0,58	86	91	87	90	0,3	5.992	460	3	9	2.220	3.300
115	Xã Phúc Thịnh	0,20	86	91	87	90	0,3	3.038	350	1	7	1.180	1.500
116	Xã Thiên Lộc	0,84	86	91	87	90	0,3	2.619	310	2	7	1.000	1.300
117	Xã Vĩnh Thanh	0,29	86	91	87	90	0,3	1.555	180	2	3	620	750
118	Xã Mê Linh	0,24	84	89	82	89	0,3	2.416	310	3	3	900	1.200
119	Xã Yên Lãng	0,27	84	89	82	89	0,3	3.187	310	5	2	1.270	1.600
120	Xã Tiến Thắng	0,25	84	89	82	89	0,3	2.360	250	8	2	900	1.200
121	Xã Quang Minh	0,45	84	89	82	89	0,3	2.455	280	4	1	970	1.200

TT	Tên đơn vị	Tăng tỷ suất sinh thô (‰)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 4 bệnh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 5 bệnh (%)	Tỷ lệ nam, nữ được khám sức khỏe trước kết hôn (%)	Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ trong năm (%)	Tăng chiều cao trung bình nam, nữ TN 18 tuổi (cm)	Biện pháp tránh thai					
								Tổng	Dụng cụ tử cung	Thuốc cây tránh thai	Thuốc tránh thai tiêm	Viên uống tránh thai	Bao cao su
122	Xã Sóc Sơn	0,3	86	91	84	95	0,3	5.594	520	5	9	2.060	3.000
123	Xã Đa Phúc	0,26	86	91	84	95	0,3	3.657	530	4	13	1.410	1.700
124	Xã Nội Bài	0,25	86	91	84	95	0,3	3.887	415	4	8	1.460	2.000
125	Xã Trung Giã	0,3	86	91	84	95	0,3	2.479	320	3	6	1.000	1.150
126	Xã Kim Anh	0,28	86	91	84	95	0,3	1.860	250	5	5	800	800